

## 1. MỤC TIÊU

### 1.1. Kiến thức: Học sinh ôn tập các kiến thức về:

- Một số bệnh phổ biến ở lợn, gà, trâu bò và biện pháp phòng, trị. (Bài 12, 13, 14)
- Ứng dụng công nghệ sinh học trong phòng, trị bệnh cho vật nuôi (Bài 15)
- Chuồng nuôi và biện pháp vệ sinh trong chăn nuôi (Bài 16)

### 1.2. Kỹ năng: Học sinh rèn luyện các kỹ năng:

- Nhận biết, thông hiểu kiến thức về một số bệnh ở vật nuôi và cách phòng trị bệnh trong chăn nuôi.
- Vận dụng kiến thức làm bài tập trắc nghiệm và bài viết tự luận.
- HS nắm vững hơn, hiểu rõ hơn về vai trò của phòng trị bệnh trong chăn nuôi và biết cách chăm sóc, yêu thương, nhân đạo với vật nuôi

## 2. NỘI DUNG

### 2.1. Ma trận:

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng số câu	
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	TN	TL
1.	Một số bệnh ở lợn	1		1	1	3	
2.	Một số bệnh ở gia cầm	1	1			2	
3.	Một số bệnh ở trâu, bò	1	1		1	3	
4.	Biện pháp phòng, trị bệnh cơ bản		1		1	2	1
5.	Vaccine DNA tái tổ hợp	1		1		2	1
6.	Chuồng nuôi	1	1	1		3	
7.	Biện pháp đảm bảo vệ sinh chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi	1				1	1
Tổng số câu hỏi		6	4	3	3	16	3

### 2.2. Câu hỏi tự luận:

**Câu 1:** Trình bày các biện pháp cơ bản trong phòng trị bệnh cho vật nuôi?

**Câu 2:** Trình bày ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine DNA tái tổ hợp và vẽ hình minh họa?

**Câu 3:** Khái niệm chuồng nuôi; Chuồng nuôi đạt những yêu cầu cơ bản nào?

**Câu 4:** Trình bày một số loại chuồng nuôi phổ biến (gà, lợn, bò)?

**Câu 5:** Theo em, cần phải làm gì để đảm bảo vệ sinh chuồng nuôi và bảo vệ môi trường trong chăn nuôi?

### 2.3. Câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1: Chuồng nuôi là:**

- A. Nhà ở của vật nuôi  
B. Lồng nhốt vật nuôi  
C. Bụi cây, bờ cỏ, hang hốc  
D. Không gian tự do trên bầu trời

**Câu 2: Chuồng nuôi phải đảm bảo yêu cầu chung về:**

- A. Vị trí - Kiến trúc xây dựng  
B. Hướng chuồng – Nền chuồng  
C. Kiến trúc xây dựng  
D. Vị trí-Hướng chuồng-Nền chuồng- Kiến trúc.

**Câu 3: Vị trí chuồng nuôi đạt tiêu chuẩn**

- A. Gần sông, hồ để tiện rửa, vệ sinh chuồng nuôi  
B. Gần đường giao thông để tiện chuyên chở thức ăn và xuất bán  
C. Yên tĩnh, xa khu dân cư, xa đường giao thông tránh lây nhiễm bệnh  
D. Gần nhà ở để tiện chăm sóc, dọn vệ sinh chuồng nuôi

**Câu 4: Hướng chuồng phù hợp nhất cho sự sinh trưởng, phát triển của vật nuôi**

- A. hướng tây B. hướng đông-nam C. hướng bắc D. hướng đông-bắc

**Câu 5: Đặc điểm nào sau thuộc kiến trúc xây dựng chuồng nuôi:**

- A. Đón hướng gió mát và ánh nắng mặt trời vào buổi sáng
- B. Khô ráo, ẩm áp, chắc chắn, có độ dốc vừa đủ, cao hơn mặt đất xung quanh.
- C. Chăn nuôi nông hộ thì phải cách biệt với nhà ở
- D. Thiết kế và xây dựng phù hợp với đặc điểm sinh lí của từng loại vật nuôi và nên áp dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến.

**Câu 6: Vì sao cần đảm bảo vệ sinh chuồng nuôi, bảo vệ môi trường trong chăn nuôi**

- A. Là giải pháp quan trọng để phòng bệnh, tránh lây nhiễm, giảm tác động xấu đến môi trường, là chìa khóa cho sự phát triển ngành chăn nuôi bền vững.
- B. Để bảo vệ cho vật nuôi không bị nhiễm bệnh
- C. Để bảo vệ môi trường chăn nuôi và con người
- D. Để bảo vệ sự lây nhiễm từ vật nuôi sang người

**Câu 7: Các biện pháp đảm bảo vệ sinh chuồng nuôi và bảo vệ môi trường chăn nuôi**

- A. Vệ sinh chuồng nuôi
- B. Tiêu độc khử trùng chuồng nuôi
- C. Thu gom, xử lí chất thải chăn nuôi
- D. Tất cả các ý trên

**Câu 8: “Định kì phun thuốc, tiêu độc, khử trùng, quét vôi, tẩy uế,...” là việc làm thuộc biện pháp:**

- A. Bảo vệ môi trường chăn nuôi
- B. Tiêu độc, khử trùng chuồng nuôi
- C. Xử lí chất thải chăn nuôi
- D. Chăm sóc vật nuôi

**Câu 9: Chất thải chăn nuôi được xử lí bằng cách:**

- A. Xả trực tiếp xuống ao, hồ, sông làm thức ăn cho cá
- B. Bón trực tiếp cho cây trồng không cần qua ủ hoai
- C. Thu gom, ép, tách phần bã, phần lỏng để sản xuất phân vi sinh và đưa vào hầm biogas
- D. Áp dụng tất cả các biện pháp trên

**Câu 10: Vì sao nên xây chuồng theo hướng đông- nam hoặc hướng nam.**

- A. Để đón gió mát, đón ánh nắng mặt trời buổi sáng chiếu vào chuồng
- B. Giữ yên tĩnh, không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ cho vật nuôi
- C. Đảm bảo cho chuồng nuôi sạch sẽ, khô ráo, hạn chế ô nhiễm môi trường
- D. Tránh lây nhiễm từ vật nuôi bệnh sang vật nuôi khỏe và con người.

**Câu 11: Điền khuyết:**

**Điền các từ phù hợp vào đoạn thông tin sau:**

“Trong các trang trại chăn nuôi lợn công nghiệp quy mô lớn hiện nay, người ta thiết kế lắp máy ép phân để tách ..... và phần ..... riêng. .... được dung để sản xuất phân vi sinh, phần ..... được đưa vào hầm biogas. Sau khi xử lí, nước thải đủ tiêu chuẩn được tái sử dụng trong trồng trọt và chăn nuôi.”

**Câu 12: Ghép đúng nội dung trong 2 cột sau (Mỗi loại chuồng ghép đúng với 2 ý)**

Loại chuồng	Ưu điểm – nhược điểm	ĐA
A. Chuồng hở	1. Thông thoáng tự nhiên, dễ làm, chi phí thấp, phù hợp với chăn nuôi nhỏ lẻ.	A
	2. Hệ thống cửa sổ đóng mở linh hoạt, nên có thể tận dụng điều kiện khí hậu tốt của tự nhiên.	
B. Chuồng kín	3. Đầu tư lớn và chỉ phù hợp với quy mô công nghiệp, bán công nghiệp.	B
	4. Kín đáo, có thể điều khiển được khí hậu chuồng nuôi, giảm chi phí thức ăn, ít dịch bệnh.	
C. Chuồng kín-hở linh hoạt	5. Vật nuôi dễ bị ảnh hưởng xấu của thời tiết khắc nghiệt, khó đảm bảo an toàn sinh học.	C
	6. Chi phí lớn, ảnh hưởng đến việc đối xử nhân đạo với vật nuôi	

**Câu 13. Triệu chứng của vật nuôi bị nhiễm bệnh nặng phụ thuộc vào**

- A. Độc lực của chủng virus; Sức đề kháng của cơ thể
- B. Độc lực của chủng virus; Sức đề kháng của cơ thể; Tính miễn cảm của vật chủ; Sự nhiễm trùng kế phát; Các yếu tố quản lí đàn
- C. Sự nhiễm trùng kế phát; Các yếu tố quản lí đàn

D. Tính miễn cảm của vật chủ

**Câu 14. Triệu chứng của lợn khi bị mắc bệnh tai xanh có triệu chứng biểu hiện xanh tím ở tai chiếm tỷ lệ**

A. 28%

B. 38%

C. 22%

D. 2%

**Câu 15. Nguyên nhân gây bệnh tụ huyết trùng ở lợn**

A. Virus Arteri có vật chất di truyền RNA thuộc họ Arteriviridae

B. Vi khuẩn Gram âm có tên là Pasteurella multocida

C. Virus có vật chất di truyền là RNA thuộc họ Flaviviridae

D. Virus có vật chất di truyền là RNA thuộc họ Picornaviridae

**Câu 16. Triệu chứng của lợn khi mắc bệnh tai xanh là:**

A. Sốt rất cao, khó thở, thờ thể bụng, kiệt sức C. Sốt cao, tiêu chảy, da có nhiều điểm xuất huyết

B. Sốt cao, khó thở, rối loạn hô hấp, một số lợn bệnh có tai màu xanh tím D. Tất cả các ý

**Câu 17. Khi phát hiện lợn có các triệu chứng nhiễm bệnh tai xanh, ta cần tiến hành:**

A. Kịp thời báo cho cán bộ thú y địa phương C. Không tắm cho lợn bị bệnh

B. Sử dụng sorbitol giải độc gan, thận; Thuốc hạ sốt, kháng viêm, kháng sinh phổ rộng để điều trị nhiễm trùng  
kể phát. D. Tất cả các ý.

**Câu 18. Sử dụng kháng sinh phổ rộng trong việc điều trị bệnh lợn tai xanh gây ra có vai trò:**

A. Trị bệnh kể phát do vi khuẩn gây ra C. Diệt Arterivirus, họ Arteriviridae gây bệnh tai xanh

B. Hạ sốt, an thần D. Giải độc gan, thận

**Câu 19. Sorbitol trong điều trị bệnh cho vật nuôi có vai trò**

A. Trị bệnh kể phát do vi khuẩn gây ra C. Diệt Arterivirus, họ Arteriviridae gây bệnh tai xanh

B. Hạ sốt, an thần D. Giải độc gan, thận

**Câu 20. Vai trò chủ yếu của ngành chăn nuôi lợn:**

A. Cung cấp thịt cho tiêu dùng trong nước, xuất khẩu C. Tận dụng phân thải làm phân hữu cơ

B. Là nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến thức ăn D. Tất cả các ý.

**Câu 21. Nguyên nhân gây bệnh tụ huyết trùng ở vật nuôi**

A. Virus có vật chất di truyền RNA thuộc họ Arteriviridae

B. Vi khuẩn Gram âm có tên là Pasteurella multocida

C. Virus có vật chất di truyền là RNA thuộc họ Flaviviridae

D. Virus có vật chất di truyền là RNA thuộc họ Picornaviridae

**Câu 22. Triệu chứng của lợn khi bị nhiễm bệnh tụ huyết trùng**

A. Sốt rất cao, khó thở, thờ thể bụng, kiệt sức

B. Sốt cao, tiêu chảy, da có nhiều điểm xuất huyết

C. Sốt cao, khó thở, rối loạn hô hấp, một số lợn bệnh có dấu hiệu tai chuyển màu xanh tím

D. Tất cả các triệu chứng trên

**Câu 23. Sử dụng kháng sinh để điều trị bệnh tụ huyết trùng có vai trò:**

A. Diệt trừ Arterivirus gây bệnh vật nuôi C. Diệt trừ vi khuẩn Pasteurella multocida gây bệnh vật nuôi

B. Diệt trừ Flaviviridae gây bệnh vật nuôi D. Diệt trừ Picornaviridae gây bệnh vật nuôi

**Câu 24. Tên kháng sinh điều trị bệnh do vi khuẩn gây ra ở vật nuôi**

A. Pramyxoviridae

B. Flaviviridae

C. Streptomycin

D. Picornaviridae

**Câu 25. Bệnh nào sau chỉ gây nhiễm ở gia cầm và chim hoang dã**

A. Bệnh tai xanh

B. Bệnh H<sub>5</sub>N<sub>1</sub>

C. Bệnh tụ huyết trùng

D. Bệnh lở mồm long móng

**Câu 26. Triệu chứng gia cầm bị mắc bệnh có biểu hiện**

A. Ủ rũ, chậm chạp, nhắm mắt, mào tím tái, phân lỏng, màu trắng xanh, có lẫn máu.

B. Sốt cao, ho, khó thở, thờ thể bụng

C. Sốt cao, khó thở, vùng da mỏng như vùng bụng xuất huyết màu xanh tím

D. Sốt cao, khó thở, vùng da mỏng như vùng bụng xuất huyết màu đỏ tím

**Câu 27. Bệnh nào sau lây nhiễm ở loài động vật bộ guốc chẵn**

A. Bệnh tai xanh

B. Bệnh H<sub>5</sub>N<sub>1</sub>

C. Bệnh tụ huyết trùng

D. Bệnh lở mồm long móng

**Câu 28. Thê thường gặp nhất ở gia cầm khi bị nhiễm bệnh tụ huyết trùng là:**

A. Thê nhiễm trùng máu

B. Thê mạn tính

C. Thê biến chứng

D. Tất cả các thê

**Câu 29. Bệnh nào sau ở vật nuôi có thể lây sang người và có gây tử vong**

A. Bệnh tai xanh

B. Bệnh H<sub>5</sub>N<sub>1</sub>

C. Bệnh tụ huyết trùng

D. Bệnh lở mồm long móng

**Câu 30. Bệnh nào sau lây nhiễm ở cả gia súc và gia cầm**

A. Bệnh tai xanh

B. Bệnh H<sub>5</sub>N<sub>1</sub>

C. Bệnh tụ huyết trùng

D. Bệnh lở mồm long móng

**Câu 31. Triệu chứng của trâu bò khi bị nhiễm bệnh lở mồm long móng**

A. Sốt cao đột ngột sau 1-2 ngày, xuất hiện mụn nước ở vùng miệng, móng, bụng, vú sau vỡ, loét, nước bọt chảy nhiều như bọt bia.

**B.** Sốt cao, đờ đẫn, ho khan, chảy nhiều nước mắt, mũi, dãi; sung phù vùng cổ, yếm; bụng chướng; hung dữ, điên cuồng.

**C.** Sốt cao, khó thở, vùng da mỏng như vùng bụng xuất huyết màu xanh tím

**D.** Sốt cao, khó thở, vùng da mỏng như vùng bụng xuất huyết màu đỏ tím

**Câu 32. Triệu chứng của trâu bò khi bị nhiễm bệnh tụ huyết trùng.**

**A.** Sốt cao đột ngột sau 1-2 ngày, xuất hiện mụn nước ở vùng miệng, móng, bụng, vú sau vỡ, loét, nước bọt chảy nhiều như bọt bia.

**B.** Sốt cao, đờ đẫn, ho khan, chảy nhiều nước mắt, mũi, dãi; sung phù vùng cổ, yếm; bụng chướng; hung dữ, điên cuồng.

**C.** Sốt cao, khó thở, vùng da mỏng như vùng bụng xuất huyết màu xanh tím

**D.** Sốt cao, khó thở, vùng da mỏng như vùng bụng xuất huyết màu đỏ tím

**Câu 33. Nguyên nhân gây bệnh lở mồm long móng ở trâu bò**

**A.** Virus có vật chất di truyền RNA thuộc họ Arteriviridae

**B.** Vi khuẩn Gram âm có tên là Pasteurella multocida

**C.** Virus có vật chất di truyền là RNA thuộc họ Flaviviridae

**D.** Virus có vật chất di truyền là RNA thuộc họ Picornaviridae

**Câu 34. Phòng trừ một số bệnh ở trâu bò một cách hiệu quả, ta áp dụng các biện pháp cơ bản sau:**

**A.** Kiểm dịch biên giới; Khử trùng theo định kì khu vực chuồng nuôi

**B.** Tiêm vaccin phòng bệnh cho vật nuôi theo đúng độ tuổi

**C.** Kiểm dịch biên giới; Giữ chuồng trại luôn sạch thoáng; Định kì phun sát trùng khử khuẩn; Tiêm vaccin đúng độ tuổi của vật nuôi

**D.** Định kì phun sát trùng khử khuẩn; Tiêm vaccin đúng độ tuổi của vật nuôi; Kiểm dịch biên giới;

**Câu 35. Khi phát hiện vật nuôi có biểu hiện bệnh, người chăn nuôi cần thực hiện những công việc:**

**A.** Mang cả đàn vật nuôi đi tiêu hủy đúng cách

**B.** Báo cán bộ thú y địa phương; Cách li triệt để; Tiến hành các biện pháp phòng trị bệnh đúng cách

**C.** Mua luôn kháng sinh, kháng viêm, trợ lực, an thần về điều trị cho vật nuôi

**D.** Xuất bán đàn vật nuôi để gỡ vốn

**Câu 36. Cung cấp trứng cho tiêu dùng trong nước, ngành công nghiệp chế biến và xuất khẩu là vai trò**

**A.** Chăn nuôi bò sữa    **B.** Chăn nuôi bò thịt    **C.** Chăn nuôi gà trứng **D.** Chăn nuôi lợn

**Câu 37. Sử dụng phân thải làm phân hữu cơ bón cho cây trồng là vai trò của ngành nào sau**

**A.** Nuôi giun quế và dế    **B.** Chăn nuôi gia súc - gia cầm    **C.** Nuôi thủy sản    **D.** Tất cả các ý

**Câu 38. Bệnh lở mồm long móng không lây nhiễm ở vật nuôi nào sau:**

**A.** Cừu

**B.** Bò

**C.** Ngựa

**D.** Dê

**Câu 39. Vi khuẩn Pasteurella multocida thuộc nhóm gram âm là nguyên nhân gây bệnh:**

**A.** Bệnh lở mồm long móng

**C.** Bệnh cúm Newcatle

**B.** Bệnh tụ huyết trùng

**D.** Bệnh tai xanh

**Câu 40. Cách phòng và trị bệnh trong chăn nuôi nào sau không đúng:**

**A.** Vệ sinh, tiêu độc, khử trùng chuồng trại định kì

**B.** Áp dụng biện pháp “bổ sung đề kháng, chuồng nuôi thông thoáng”

**C.** Áp dụng biện pháp chăn nuôi “cùng vào – cùng ra”

**D.** Dùng kháng sinh để điều trị bệnh lở mồm long móng

**Câu 41:** Trong quy trình sản xuất DNA tái tổ hợp, gene mã hóa kháng nguyên được cắt ra nhờ:

**A.** DNA tái tổ hợp

**B.** Enzyme

**C.** Plamid

**D.** Cả 3 đáp án trên

**Câu 42:** Ưu điểm của Vaccine DNA tái tổ hợp

**A.** Dễ dàng đáp ứng với các biến chủng mới của vi sinh vật gây bệnh

**B.** Được làm từ virus, vi khuẩn gây bệnh đã làm suy yếu, bất hoạt

**C.** Tốn thời gian sản xuất và gặp nhiều khó khăn

**D.** Nguyên liệu dễ thu thập từ các virus, vi khuẩn gây bệnh đã làm suy yếu

**Câu 43: Ưu điểm của ứng dụng công nghệ sinh học trong phát hiện sớm Virus gây bệnh ở vật nuôi**

**A.** Không thể phát hiện sớm virus gây bệnh cho vật nuôi

**B.** Phát hiện sớm, chính xác các virus gây bệnh trên vật nuôi

**C.** Phát hiện hầu hết các virus gây bệnh sau khi xâm nhiễm vào cơ thể vật nuôi sau 2-3 ngày

**D.** Rút ngắn thời gian ủ bệnh của virus

**Câu 44: Qua trình tổng hợp cDNA từ RNA được gọi là**

**A.** Quá trình khuếch đại

**C.** Quá trình phiên mã ngược

**B.** Quá trình phiên mã

**D.** Quá trình dịch mã

**Câu 45: Lựa chọn cách phòng và trị bệnh đúng cho trâu bò an toàn, hiệu quả trong các đáp án sau:**

**A.** Kiểm dịch biên giới

- B. Không cần khai báo thú y khi có nghi ngờ dịch diễn ra
- C. Vệ sinh, tiêu độc, khử trùng chuồng trại định kì
- D. Áp dụng biện pháp chăn nuôi “cùng vào – cùng ra”
- E. Dùng kháng sinh để điều trị bệnh lở mồm long móng
- F. Dùng kháng sinh để điều trị bệnh tụ huyết trùng
- G. Trâu, bò, lợn chết vì bệnh có thể tận dụng giết mổ lấy thịt ở khu vực xa dân cư và xa nguồn nước.
- H. Tiêm phòng vacxin đầy đủ theo khuyến cáo thú y.
- I. Áp dụng biện pháp “bổ sung đề kháng, chuồng nuôi thông thoáng”

**2.4. Đề minh họa:**

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI  
TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ

ĐỀ THI GIỮA KÌ II NĂM HỌC 2023 -2024  
Môn thi: Công Nghệ 11 (45 phút)

**ĐỀ CHÍNH THỨC**

Mã đề:.....

Họ tên HS-lớp: .....

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm):**

**Câu 1: Đặc điểm nào sau thuộc kiến trúc xây dựng chuồng nuôi:**

- A. Đón hướng gió mát và ánh nắng mặt trời vào buổi sáng
- B. Khô ráo, âm áp, chắc chắn, có độ dốc vừa đủ, cao hơn mặt đất xung quanh.
- C. Chăn nuôi nông hộ thid phải cách biệt với nhà ở
- D. Thiết kế và xây dựng phù hợp với đặc điểm sinh lí của từng loại vật nuôi và nên áp dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến.

**Câu 2: Hướng chuồng phù hợp nhất cho sự sinh trưởng, phát triển của vật nuôi**

- A. hướng tây B. hướng đông-nam C. hướng bắc D. hướng đông-bắc

**Câu 3: Vị trí chuồng nuôi đạt tiêu chuẩn**

- A. Gần sông, hồ để tiện rửa, vệ sinh chuồng nuôi
- B. Gần đường giao thông để tiện chuyên chở thức ăn và xuất bán
- C. Yên tĩnh, xa khu dân cư, xa đường giao thông tránh lây nhiễm bệnh
- D. Gần nhà ở để tiện chăm sóc, dọn vệ sinh chuồng nuôi

**Câu 4: Vì sao cần đảm bảo vệ sinh chuồng nuôi, bảo vệ môi trường trong chăn nuôi**

- A. Là giải pháp quan trọng để phòng bệnh, tránh lây nhiễm, giảm tác động xấu đến môi trường, là chìa khóa cho sự phát triển ngành chăn nuôi bền vững.
- B. Để bảo vệ cho vật nuôi không bị nhiễm bệnh
- C. Để bảo vệ môi trường chăn nuôi và con người
- D. Để bảo vệ sự lây nhiễm từ vật nuôi sang người

**Câu 7: Các biện pháp đảm bảo vệ sinh chuồng nuôi và bảo vệ môi trường chăn nuôi**

- A. Vệ sinh chuồng nuôi C. Thu gom, xử lí chất thải chăn nuôi
- B. Tiêu độc khử trùng chuồng nuôi D. Tất cả các ý trên

**Câu 5: “Định kì phun thuốc, tiêu độc, khử trùng, quét vôi, tẩy uế,...” là việc làm thuộc biện pháp:**

- A. Bảo vệ môi trường chăn nuôi C. Xử lí chất thải chăn nuôi
- B. Tiêu độc, khử trùng chuồng nuôi D. Chăm sóc vật nuôi

**Câu 6: Chất thải chăn nuôi được xử lí bằng cách:**

- A. Xả trực tiếp xuống ao, hồ, sông làm thức ăn cho cá
- B. Bón trực tiếp cho cây trồng không cần qua ủ hoai
- C. Thu gom, ép, tách phần bã, phần lỏng để sản xuất phân vi sinh và đưa vào hầm biogas
- D. Áp dụng tất cả các biện pháp trên

**Câu 7: Vì sao nên xây chuồng theo hướng đông- nam hoặc hướng nam.**

- A. Để đón gió mát, đón ánh nắng mặt trời buổi sáng chiếu vào chuồng
- B. Giữ yên tĩnh, không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ cho vật nuôi
- C. Đảm bảo cho chuồng nuôi sạch sẽ, khô ráo, hạn chế ô nhiễm môi trường
- D. Tránh lây nhiễm từ vật nuôi bệnh sang vật nuôi khỏe và con người.

**Câu 8. Triệu chứng của lợn khi bị mắc bệnh tai xanh có triệu chứng biểu hiện xanh tím ở tai chiếm tỷ lệ**

- A. 28% B. 38% C. 22% D. 2%

**Câu 9. Bệnh nào sau ở vật nuôi có thể lây sang người và có gây tử vong**

- A. Bệnh tai xanh B. Bệnh H<sub>5</sub>N<sub>1</sub> C. Bệnh tụ huyết trùng D. Bệnh lở mồm long móng

**Câu 10. Cung cấp trứng cho tiêu dùng trong nước, ngành công nghiệp chế biến và xuất khẩu là vai trò**

- A. Chăn nuôi bò sữa B. Chăn nuôi bò thịt C. Chăn nuôi gà trứng D. Chăn nuôi lợn

**Câu 11. Vi khuẩn *Pasteurella multocida* thuộc nhóm gram âm là nguyên nhân gây bệnh:**

- A. Bệnh lở mồm long móng C. Bệnh cúm Newcatle  
B. Bệnh tụ huyết trùng D. Bệnh tai xanh

**Câu 12. Cách phòng và trị bệnh trong chăn nuôi nào sau không đúng:**

- A. Vệ sinh, tiêu độc, khử trùng chuồng trại định kì  
B. Áp dụng biện pháp “bổ sung đề kháng, chuồng nuôi thông thoáng”  
C. Áp dụng biện pháp chăn nuôi “cùng vào – cùng ra”  
D. Dùng kháng sinh để điều trị bệnh lở mồm long móng

**Câu 13. Trong quy trình sản xuất DNA tái tổ hợp, gene mã hóa kháng nguyên được cắt ra nhờ:**

- A. DNA tái tổ hợp B. Enzyme C. Plamid D. Cả 3 đáp án trên

**Câu 14: Ưu điểm của Vaccine DNA tái tổ hợp**

- A. Dễ dàng đáp ứng với các biến chủng mới của vi sinh vật gây bệnh  
B. Được làm từ virus, vi khuẩn gây bệnh đã làm suy yếu, bất hoạt  
C. Tốn thời gian sản xuất và gặp nhiều khó khăn  
D. Nguyên liệu dễ thu thập từ các virus, vi khuẩn gây bệnh đã làm suy yếu

**Câu 15: Ưu điểm ứng dụng công nghệ sinh học trong phát hiện sớm Virus gây bệnh ở vật nuôi**

- A. Không thể phát hiện sớm virus gây bệnh cho vật nuôi  
B. Phát hiện sớm, chính xác các virus gây bệnh trên vật nuôi  
C. Phát hiện hầu hết các virus gây bệnh sau khi xâm nhiễm vào cơ thể vật nuôi sau 2-3 ngày  
D. Rút ngắn thời gian ủ bệnh của virus

**Câu 16: Qua trình tổng hợp cDNA từ RNA được gọi là**

- A. Quá trình khuếch đại C. Quá trình phiên mã ngược  
B. Quá trình phiên mã D. Quá trình dịch mã

### I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (6 điểm)

**Câu 1: Ghép đúng nội dung trong 2 cột sau (Mỗi loại chuồng ghép đúng với 2 ý)**

Loại chuồng	Ưu điểm – nhược điểm	ĐA
A. Chuồng hở	1. Thông thoáng tự nhiên, dễ làm, chi phí thấp, phù hợp với chăn nuôi nhỏ lẻ.	A
	2. Hệ thống cửa sổ đóng mở linh hoạt, nên có thể tận dụng điều kiện khí hậu tốt của tự nhiên.	
B. Chuồng kín	3. Đầu tư lớn và chỉ phù hợp với quy mô công nghiệp, bán công nghiệp.	B
	4. Kín đáo, có thể điều khiển được khí hậu chuồng nuôi, giảm chi phí thức ăn, ít dịch bệnh.	
C. Chuồng kín-hở linh hoạt	5. Vật nuôi dễ bị ảnh hưởng xấu của thời tiết khắc nghiệt, khó đảm bảo an toàn sinh học.	C
	6. Chi phí lớn, ảnh hưởng đến việc đối xử nhân đạo với vật nuôi	

**Câu 2:** Ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất vaccine DNA tái tổ hợp được thực hiện như thế nào? Em hãy vẽ hình minh họa?

**Câu 3:** Theo em, cần phải làm gì để đảm bảo vệ sinh chuồng nuôi và bảo vệ môi trường chăn nuôi?

TỔ (NHÓM) TRƯỞNG

Hoàng Mai, ngày 15 tháng 2 năm 2024

Giáo viên bộ môn

Dương Thị Minh Oanh

